

# TÁC ĐỘNG CỦA SỞ HỮU NƯỚC NGOÀI ĐẾN RỦI RO THANH KHOẢN: TRƯỜNG HỢP TẠI CÁC NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI VIỆT NAM

● VŨ ĐỨC BÌNH\* - PHẠM ĐỨC TRUNG

## TÓM TẮT:

Bài viết đánh giá tác động của sở hữu nước ngoài đến rủi ro thanh khoản (RRTK) của 27 ngân hàng thương mại (NHTM) tại Việt Nam trong giai đoạn 2008-2021. Nghiên cứu đã tìm được bằng chứng thực nghiệm về mối quan hệ ngược chiều giữa mức độ sở hữu nước ngoài và RRTK tại các NHTM Việt Nam, qua đó nhóm tác giả đưa ra gợi ý các chính sách phòng ngừa RRTK tại các NHTM Việt Nam.

**Từ khóa:** sở hữu nước ngoài, rủi ro thanh khoản, ngân hàng thương mại.

## 1. Đặt vấn đề

Trong thời gian gần đây, vấn đề sở hữu nước ngoài trong các NHTM đã được quan tâm và bàn luận sôi nổi hơn. Trong đó, vấn đề quy định giới hạn sở hữu của các nhà đầu tư nước ngoài ở các NHTM là một trong những nội dung được thảo luận nhiều nhất. Theo quy định hiện hành, Nghị định số 01/2014/NĐ-CP quy định tỷ lệ sở hữu cổ phần của một nhà đầu tư chiến lược nước ngoài không được vượt quá 20% vốn điều lệ của một tổ chức tín dụng Việt Nam. Tổng tỷ lệ sở hữu cổ phần của tất cả các nhà đầu tư nước ngoài tại một tổ chức tín dụng trong nước không được vượt quá 30%. Với quy định hiện tại, đã có nhiều NHTM đã chạm mức trần quy định về tỷ lệ sở hữu của khối ngoại. Các nhà đầu tư nước ngoài và một số chuyên gia đều đồng tình rằng giới

hạn này còn thấp, nên thị trường đầu tư chưa thật sự hấp dẫn. Từ đó, có nhiều ý kiến cho rằng, tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài trong các tổ chức tín dụng của Việt Nam sẽ được tăng lên trong thời gian tới như một sự tất yếu trong điều kiện hội nhập kinh tế để thu hút được nhiều nguồn vốn hơn. Tuy nhiên, việc tăng tỷ lệ sở hữu nước ngoài đối với ngành Ngân hàng cũng đang được cân nhắc và nghiên cứu một cách cẩn trọng hơn, bởi có những ý kiến cho rằng sở hữu nước ngoài có tác động tích cực đến RRTK - một trong những rủi ro lớn và chủ yếu tại các NHTM; trong khi lại có những ý kiến ngược lại, cho rằng sở hữu nước ngoài làm RRTK tại các NHTM tăng lên. Đánh giá được tầm quan trọng trong kiểm soát RRTK, vấn đề sở hữu nước ngoài đang được quan tâm lại càng được quan tâm hơn,

đánh giá nhiều hơn ở nhiều phương diện khác nhau, không chỉ các tác động về mặt tích cực, mà còn ở những tác động không tích cực.

**2. Mô hình nghiên cứu**

Để phân tích thực nghiệm tác động của sở hữu nước ngoài đến RRTK tại các NHTM Việt Nam trong giai đoạn 2008-2021, việc lựa chọn và đưa các biến vào trong mô hình nghiên cứu của luận văn được thực hiện dựa trên 2 tiêu chí: Thứ nhất, các yếu tố đưa vào mô hình nghiên cứu phải gắn liền với các lý thuyết kinh tế và lược khảo các nghiên cứu thực nghiệm trước đây có liên quan đến đề tài; Thứ hai, dữ liệu của các yếu tố đại diện cho mô hình có thể thu thập được tương đối đầy đủ và đáng tin cậy. Qua đó, dựa trên nghiên cứu trước đây của Võ Xuân Vinh, Mai Xuân Đức (2017) và cơ sở lý thuyết kinh tế, nhóm tác giả đã xây dựng mô hình nghiên cứu như sau:

Mô hình 1: Tác động của sở hữu nước ngoài đến RRTK tại các NHTM dạng bảng tính

$$LIR_{it} = \beta_1 + \beta_2 FO_{it} + \beta_3 CR_{it} + \beta_4 SIZE_{it} + \beta_5 ROE_{it} + \beta_6 EA_{it} + \beta_7 GDP_t + \beta_8 CPI_t + \alpha_i + u_{it}$$

Mô hình 2: Tác động của sở hữu nước ngoài đến RRTK tại các NHTM dạng bảng động

$$LIR_{it} = \beta_1 + \beta_2 LIR_{it-1} + \beta_3 FO_{it} + \beta_4 CR_{it} + \beta_5 SIZE_{it} + \beta_6 ROE_{it} + \beta_7 EA_{it} + \beta_8 GDP_t + \beta_9 CPI_t + \alpha_i + u_{it}$$

Trong đó:

-  $LIR_{it}$  là biến phụ thuộc đại diện cho RRTK của NHTM,  $LIR_{it} = (\text{Tổng dư nợ tín dụng} - \text{Tổng nguồn vốn huy động}) / \text{Tổng tài sản của ngân hàng}$ .

-  $FO_{it}$  là biến đo lường mức độ sở hữu nước ngoài của ngân hàng,  $FO_{it} = \text{Tỷ lệ Cổ phần của cổ đông nước ngoài} / \text{Tổng số cổ phần phát hành}$ .

-  $CR_{it}$  là biến đại diện cho rủi ro tín dụng của ngân hàng,  $CR_{it} = \text{Tỷ số Dự phòng rủi ro tín dụng} / \text{Tổng tài sản}$ .

-  $SIZE_{it}$  là quy mô của ngân hàng,  $SIZE_{it} = \text{Tổng tài sản của các ngân hàng cuối năm tài chính}$ .

-  $ROE_{it}$  là tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu của ngân hàng,  $ROE_{it} = \text{Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế} / \text{Tổng giá trị vốn chủ sở hữu}$ .

-  $EA_{it}$  là hệ số tự tài trợ của ngân hàng,  $EA_{it} = \text{Tỷ lệ Vốn chủ sở hữu} / \text{Tổng tài sản}$ .

-  $GDP_t$  là tốc độ tăng trưởng kinh tế (%).

-  $CPI_t$  là chỉ số giá tiêu dùng hàng năm (%) để tính tỷ lệ lạm phát.

-  $\alpha_i$  là đặc điểm riêng giữa các NHTM không đổi theo thời gian;  $u_{it}$  là sai số đặc trưng của mô hình;  $i$  là chỉ số đại diện cho NHTM;  $t$  là chỉ số đại diện cho thời gian quan sát (từ năm 2008 đến năm 2021).

**4. Kết quả nghiên cứu**

**4.1. Thống kê mô tả**

Bảng 1 cho thấy mức độ RRTK thông qua tỷ lệ Cho vay/Tổng tài sản của ngân hàng trung bình của các NHTM trong mẫu nghiên cứu là 32,94%. Trong

**Bảng 1. Thống kê mô tả**

Biến	Giá trị trung bình	Độ lệch chuẩn	Giá trị nhỏ nhất	Giá trị lớn nhất
LIR	0.3294204	0.1322441	-0.1150929	0.7444106
FO	0.1190088	0.1372012	0	0.3
CR	0.0114939	0.0054607	0.0005004	0.0384722
SIZE	18.3785	1.277848	14.69872	21.28954
ROE	0.0948787	0.0844358	-0.8200214	0.3033
EA	0.995114	0.0546581	0.0346185	0.4624462
GDP	0.0574879	0.0136305	0.0258	0.0707
CPI	0.0563586	0.0563531	-0.01	0.21

Nguồn: Theo tính toán của tác giả

đó, NHTM có mức độ RRTK cao nhất thuộc về Ngân hàng SeAbank đạt 74,44% vào năm 2011 và ngân hàng có RRTK thấp nhất là Ngân hàng Kiên Long chỉ đạt mức 11,5% vào năm 2008. Ngoài ra, tỷ lệ sở hữu nước ngoài trung bình trong các NHTM trong mẫu nghiên cứu ở mức 11,90%, NHTM có tỷ lệ sở hữu nước ngoài cao nhất lên đến 30% là Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín vào năm 2010 và NHTM có tỷ lệ sở hữu nước ngoài thấp nhất ở mức 0% là Ngân hàng An Bình vào năm 2012.

**4.2. Phân tích tương quan**

**Bảng 2. Ma trận hệ số tương quan**

	LIR	FO	CR	SIZE	ROE	EA	GDP	CPI
LIR	1							
FO	-0.2294	1						
CR	0.1922	-0.1438	1					
SIZE	-0.0029	0.2611	0.1673	1				
ROE	-0.0874	0.1342	-0.0541	0.3792	1			
EA	-0.2757	0.0791	-0.1481	-0.6554	-0.1410	1		
GDP	0.0724	-0.0727	0.0544	-0.1743	-0.1422	0.296	1	
CPI	0.1750	-0.0888	0.1854	-0.3135	-0.0013	0.2427	0.1800	1

*Nguồn: Theo tính toán của tác giả*

Bảng 2 cho thấy dấu của hệ số tương quan giữa mức độ sở hữu nước ngoài, tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu, hệ số tự tài trợ và lạm phát với RRTK của NHTM trong mô hình là phù hợp với kỳ vọng, còn lại các biến rủi ro tín dụng, quy mô tổng tài sản lại mang dấu dương trong khi kỳ vọng là mang dấu âm. Tuy nhiên, để có thể kết luận chính xác về mối quan hệ giữa các biến độc lập và biến phụ thuộc thì cần dựa vào kết quả hồi quy. Ngoài ra, thông qua bảng kết quả ma trận hệ số tương quan cho thấy hệ số tương quan giữa các biến trong mô hình tương đối nhỏ nên khả năng mô hình sẽ không bị khuyết tật đa cộng tuyến cao.

**4.3. Kết quả hồi quy**

Để ước lượng chính xác tác động của sở hữu nước ngoài đến RRTK tại các NHTM Việt Nam, nhóm tác giả sử dụng các phương pháp ước lượng

khác nhau đối với mô hình dạng bảng tĩnh và mô hình dạng bảng động cho mẫu dữ liệu nghiên cứu 27 NHTM cổ phần tại Việt Nam. Đầu tiên, nhóm tác giả thực hiện hồi quy lần lượt với 3 mô hình Pooled OLS, FEM và REM cho mô hình dạng bảng tĩnh. Sau đó, thực hiện kiểm định lựa chọn mô hình phù hợp. Kết quả kiểm định cho thấy: đối với kiểm định F-test có p-value < mức ý nghĩa  $\alpha$  (1%), do đó mô hình FEM là phù hợp hơn mô hình Pooled OLS, đối với kiểm định Breusch-Pagan Lagrangian có p-value = 0.000 < mức ý nghĩa  $\alpha$  (1%). Do đó, mô

hình REM là phù hợp hơn mô hình Pooled OLS. Đối với kiểm định Hausman Test có p-value = 0.9993 > mức ý nghĩa  $\alpha$  (1%), do đó mô hình REM là phù hợp hơn mô hình FEM. Như vậy, mô hình REM là mô hình phù hợp hơn mô hình FEM và mô hình Pooled OLS. Tiếp theo, nhóm tác giả thực hiện kiểm tra khuyết tật phương sai thay đổi và tự tương quan trên mô hình REM được lựa chọn. Kết quả kiểm tra khuyết tật cho thấy: đối với kiểm định Heteroskedasticity có p-value < mức ý nghĩa  $\alpha$  (1%), do đó mô hình REM bị hiện tượng phương sai thay đổi. Đối với kiểm định Lagrange-Multiplier Test for Serial Correlation có p-value < mức ý nghĩa  $\alpha$  (1%), do đó mô hình REM không bị hiện tượng tự tương quan. Khi đó, nhóm tác giả sử dụng phương pháp bình phương bé nhất tổng quát (GLS - Generalised Least Squares) để xử lý hiện

tượng phương sai thay đổi và tự tương quan. Kết quả ước lượng các mô hình Pooled OLS, FEM, REM và mô hình dạng bảng động bằng phương pháp GMM như Bảng 4.

Kết quả ước lượng ở các mô hình dạng bảng tĩnh Pooled OLS, REM, xử lý khuyết tật phương sai thay đổi bằng phương pháp GLS và GMM cho mô hình dạng bảng động đều thống nhất khẳng định hệ số hồi quy của biến mức độ sở hữu nước ngoài đều mang dấu âm và có ý nghĩa thống kê ở mức 5%. Hệ số hồi quy âm cho thấy tồn tại mối quan hệ ngược chiều giữa mức độ sở hữu nước ngoài và RRTK tại các NHTM khảo sát. Kết quả

này đồng nghĩa rằng, tỷ lệ sở hữu nước ngoài càng cao thì RRTK của ngân hàng càng giảm. Khi NHTM có tỷ lệ vốn sở hữu nước ngoài lớn sẽ có cơ hội tiếp cận với nguồn vốn lớn và đồng thời còn được tiếp cận với trình độ công nghệ, kinh nghiệm tổ chức, điều hành, trình độ quản lý từ các ngân hàng nước ngoài có sở hữu vốn với ngân hàng trong nước. Qua đó, vai trò của sở hữu nước ngoài tại các ngân hàng này được đánh giá rất cao, mang lại nhiều chuyển biến tích cực không chỉ trong việc nâng cao nguồn lực tài chính mà còn trong việc nâng cao nguồn nhân lực, trình độ khoa học công nghệ, tăng sức cạnh tranh, quản trị rủi ro

**Bảng 4. Kết quả hồi quy tác động sở hữu nước ngoài đến RRTK tại các NHTM Việt Nam**

	Pooled OLS	FEM	REM	GLS	System GMM
FO	-0.099* (0.051)	-0.102** (0.045)	-0.103** (0.043)	-0.099* (0.051)	-0.053** (0.053)
CR	2.634** (1.247)	1.870* (1.054)	1.952* (1.030)	2.634** (1.233)	1.397* (0.746)
SIZE	-0.021** (0.008)	-0.020** (0.009)	-0.020** (0.009)	-0.021*** (0.008)	-0.022*** (0.005)
ROE	-0.083 (0.083)	-0.110* (0.066)	-0.108* (0.065)	-0.083 (0.082)	-0.056 (0.045)
EA	-1.058*** (0.165)	-0.977*** (0.133)	-0.979*** (0.131)	-1.058*** (0.163)	-0.975*** (0.130)
GDP	-0.050 (0.491)	0.007 (0.361)	0.012 (0.357)	-0.050 (0.486)	-0.248 (0.237)
CPI	0.439*** (0.123)	0.444*** (0.095)	0.448*** (0.093)	0.439*** (0.122)	0.420*** (0.061)
R square	0.20	0.28	0.20	-	-
Wald test (p-value)	-	-	0.000	0.000	0.000
F test (p-level)	0.000	0.000	-	-	-
Hansen test (p-level)	-	-	-	-	0.000
AR(1) test (p-level)	-	-	-	-	0.000
AR(2) test (p-level)	-	-	-	-	0.883

Ghi chú: \*, \*\*, \*\*\* biểu thị cho mức ý nghĩa 10%, 5% và 1%.

Nguồn: Theo tính toán của tác giả

trong ngân hàng góp phần giảm RRTK. Kết quả thực nghiệm này hoàn toàn phù hợp với lý thuyết và cũng trùng khớp với các nghiên cứu thực nghiệm trước đây của Mohammad Atiqul Basher (2022), Micco, Panizza, U. & Yanez (2007), Detragiache và Gupta (2004), Freixas và Holthausen (2005).

Như vậy, từ các kết quả nghiên cứu thu được bài viết đã giải quyết được các vấn đề nghiên cứu đặt ra. Thứ nhất, mức độ sở hữu nước ngoài có mối quan hệ ngược chiều với RRTK với hệ số hồi quy là -0.103 và mức ý nghĩa 5%. Thứ hai, tỷ suất Lợi nhuận/Vốn chủ sở hữu có mối quan hệ ngược chiều với RRTK với hệ số hồi quy là -0.108 và mức ý nghĩa 10%. Thứ ba, khả năng tự tài trợ có mối quan hệ ngược chiều với RRTK với hệ số hồi quy là -0.979 và mức ý nghĩa 1%. Đối với phân tích các yếu tố vĩ mô khác tác động đến RRTK của NHTM, kết quả nghiên cứu mới chỉ tìm thấy được bằng chứng thực nghiệm về tác động cùng chiều lạm phát đến RRTK với hệ số hồi quy là 0.448 và mức ý nghĩa 1%. Thứ tư, quy mô của ngân hàng tỷ lệ nghịch với RRTK, đồng nghĩa rằng ngân hàng có quy mô vốn càng lớn thì RRTK càng thấp, kết quả này hoàn toàn phù hợp với lý thuyết. Thứ năm, rủi ro tín dụng tác động cùng chiều với RRTK, nghĩa là ngân hàng có rủi ro tín dụng càng cao sẽ tác động đến RRTK càng cao.

### **5. Kiến nghị**

Thông qua kết quả nghiên cứu, nhóm tác giả đã tìm ra bằng chứng thực nghiệm về mức độ sở hữu

nước ngoài có mối quan hệ ngược chiều với RRTK tại các NHTM Việt Nam. Trên cơ sở kết quả nghiên cứu tìm được, để phòng ngừa RRTK tại các NHTM Việt Nam, nhóm tác giả đưa ra các kiến nghị bao gồm:

Từ kết quả nghiên cứu và thực tiễn tại Việt Nam, tác giả cho rằng tăng tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại các tổ chức tín dụng tại Việt Nam là có cơ sở. Tuy nhiên, việc thực hiện tăng tỷ lệ sở hữu nước ngoài cần được Ngân hàng Nhà nước tham mưu cho Chính phủ một lộ trình thận trọng, cụ thể cho từng nhóm tổ chức tín dụng khác nhau đó là đối với nhóm ngân hàng yếu kém và các nhóm ngân hàng hoạt động bình thường, ổn định.

Bên cạnh lợi ích kinh tế cần quan tâm đến mục tiêu chính trị, Nhà nước cần phải đảm bảo quyền kiểm soát ngành Ngân hàng để tạo được sự tự chủ cho nền kinh tế nước nhà, tránh bị thâm tóm, chi phối trên thị trường tài chính. Vì vậy, tỷ lệ sở hữu nước ngoài trong nhóm các tổ chức tín dụng này có thể xem xét nâng mức trần lên 49% trong giai đoạn hiện nay. Riêng các NHTM nhà nước đóng vai trò dẫn dắt thị trường, Nhà nước cần đảm bảo được mức độ sở hữu đủ để chi phối, quyết định mọi hoạt động.

Muốn hấp dẫn và thu hút được vốn nước ngoài, bản thân các ngân hàng cũng phải có ý thức tự “tái cơ cấu” trước. Với các đối tác nước ngoài, vấn đề minh bạch là điều tối quan trọng. Khi các ngân hàng đáp ứng được yếu tố này, việc gọi vốn cũng sẽ bớt đi phần nào khó khăn ■

### **TÀI LIỆU THAM KHẢO:**

1. Detragiache, E. & Gupta, P. (2004). Foreign banks in emerging market crises: Evidence from Malaysia. *IMF Working*, 129.
2. Freixas, X. & Holthausen, C. (2005). Interbank market integration under asymmetric CPIormation. *Review of Financial Studies*, 18, 459.
3. Micco, A., Panizza, U. & Yanez, M. (2007). Bank ownership and performance: Does politics matter? *Journal of Banking & Finance*, 27, 219.

4. Mohammad Atiqul Basher. (2022). *The Impact of Bank Specific and Macroeconomic Determinants on Banks Liquidity: An Empirical Study on Listed Commercial Banks in Bangladesh*. Bangladesh: BRAC Business School BRAC University.

5. Võ Xuân Vinh, Mai Xuân Đức (2017). Sở hữu nước ngoài và rủi ro thanh khoản của các NHTM Việt Nam. *Tạp chí Khoa học Đại học Quốc gia Hà Nội: Kinh tế và Kinh doanh*, 33(3), 1-11.

**Ngày nhận bài: 9/6/2022**

**Ngày phản biện đánh giá và sửa chữa: 9/7/2022**

**Ngày chấp nhận đăng bài: 19/7/2022**

*Thông tin tác giả:*

**1. TS. VŨ ĐỨC BÌNH**

**Giảng viên, Khoa Tài chính - Kế toán**

**Trường Đại học Nguyễn Tất Thành**

**2. PHẠM ĐỨC TRUNG**

**Học viên cao học**

**Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Bình Dương**

## **THE IMPACT OF FOREIGN OWNERSHIP ON LIQUIDITY RISK AT VIETNAMESE COMMERCIAL BANKS**

● Ph.D **VU DUC BINH**<sup>1</sup>

● student **PHAM DUC TRUNG**<sup>2</sup>

<sup>1</sup>Lecturer, Faculty of Finance - Accounting

Nguyen Tat Thanh University

<sup>2</sup>Binh Duong Economics and Technology University

### **ABSTRACT:**

This study assesses the impact of foreign ownership on liquidity risk at 27 commercial banks in Vietnam during the period from 2008 to 2021. The study found out empirical evidence on the negative relationship between the level of foreign ownership and the liquidity risk level at Vietnamese commercial banks. Based on the study's findings, some policies are proposed to help Vietnamese commercial banks prevent the liquidity risk.

**Keywords:** foreign ownership, liquidity risk, commercial bank.